

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **29/2022/HNGĐ-ST**
Ngày 25-7-2022
V/v “tranh chấp ly hôn và
nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Hải Âu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Phúc.
2. Bà Trần Thị Thu Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Thành –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu – Kiểm sát viên.

Vào ngày 25 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 35/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2022 về “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **T.P**, sinh năm 1987.

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Anh **Đặng Lê H.T**, sinh năm 1982.

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, Tiền Giang.

(Hiện anh H.T đang chấp hành án tại Phân trại số 1 – Trại giam P.H – Cục C 10 – Bộ Công an, đóng trên địa bàn xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang)

(Chị T.P và anh H.T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 03/3/2022 và quá trình giải quyết**

vụ án, nguyên đơn chị T.P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đặng Lê H.T là vợ chồng, anh, chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 084, Quyền số 01/2009 ngày 25/11/2009. Sau khi kết hôn, thời gian đầu hai vợ chồng hạnh phúc. Đến năm 2017, thì giữa anh, chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm dẫn đến đời sống chung không hòa hợp được. Năm 2019, anh H.T bị bắt do vi phạm pháp luật và phải chấp hành hình phạt 05 (năm) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, chuyển đến chấp hành án tại Trại giam P.H ngày 03/10/2019. Thời gian đầu, chị có thăm, gặp anh H.T thường xuyên, tuy nhiên thời gian kéo dài, tình cảm vợ chồng giữa anh, chị phai nhạt, không thể hàn gắn được. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đặng Lê H.T.

- Về con chung: Chị T.P và anh Đặng Lê H.T có hai người con chung là cháu Đặng T.T1, sinh ngày 29/3/2008 và Đặng T.T2, sinh ngày 18/01/2010, hiện đang sống cùng chị T.P. Khi ly hôn, chị T.P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai cháu Đặng T.T1 và Đặng T.T2, không yêu cầu anh H.T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

*** Tại Tờ tự khai ngày 15/5/2022, bị đơn anh Đặng Lê H.T trình bày:**

Anh H.T thống nhất về thời điểm kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung như chị Phụng trình bày.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T.P yêu cầu ly hôn với anh, anh đồng ý.

- Về con chung: Đồng ý giao hai cháu Đặng T.T1, sinh ngày 29/3/2008 và Đặng T.T2, sinh ngày 18/01/2010 cho chị T.P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh có nguyện vọng sẽ được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu Đặng T.T1 và Đặng T.T2 sau khi anh chấp hành xong hình phạt tù và không yêu cầu chị T.P cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

*** Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước tham gia phiên tòa:**

- Về tố tụng, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán, Thư ký chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, không ý kiến, kiến nghị bổ sung gì.

- Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T.P, cho chị T.P ly hôn với anh Đặng Lê H.T, giao hai cháu Đặng T.T1, sinh ngày 29/3/2008 và Đặng T.T2, sinh ngày 18/01/2010 cho chị T.P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ngoài ra, buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của

pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Nguyên đơn chị T.P yêu cầu ly hôn với anh Đặng Lê H.T; anh H.T có hộ khẩu thường trú tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang nhưng hiện nay anh H.T đang chấp hành án tại Trại giam P.H đóng trên địa bàn xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “*tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về sự vắng mặt của các đương sự:* Tại phiên tòa hôm nay, chị T.P và anh Đặng Lê H.T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T.P và anh H.T.

[3]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị T.P và anh Đặng Lê H.T là vợ, chồng. Anh, chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 084, Quyền số 01/2009 ngày 25/11/2009. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu chung sống, anh, chị sống hạnh phúc. Đến năm 2017, hai vợ chồng bắt đầu có những bất đồng về quan điểm, cả hai đã tìm cách vun đắp, hàn gắn, tránh hôn nhân đổ vỡ. Kể từ năm 2019, khi anh Đặng Lê H.T phạm tội và đi chấp hành án phạt tù, thời gian đầu chị T.P có thường xuyên thăm, gặp anh H.T, tuy nhiên thời gian kéo dài, tình cảm vợ chồng giữa anh, chị dần phai nhạt, không thể hàn gắn được. Nay chị T.P yêu cầu ly hôn với anh H.T và anh H.T cũng đồng ý ly hôn. Như vậy, hôn nhân của anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51 và Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn anh Đặng Lê H.T của chị T.P.

[4]. *Về con chung:* Chị T.P và anh Đặng Lê H.T có hai người con chung là cháu Đặng T.T1, sinh ngày 29/3/2008 và Đặng T.T2, sinh ngày 18/01/2010, hiện đang sống cùng chị T.P. Khi ly hôn, chị T.P yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu Đặng T.T1 và Đặng T.T2. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay hai cháu Đặng T.T1, sinh ngày 29/3/2008 và Đặng T.T2, sinh ngày 18/01/2010 đang chung sống ổn định cùng chị T.P. Tại Tờ tự khai ngày 15/5/2022, anh Đặng Lê H.T cũng đồng ý giao hai cháu Đặng T.T1 và Đặng T.T2 cho chị T.P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án, hai cháu Đặng T.T1 và Đặng T.T2 cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Căn cứ vào Khoản 3 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung của chị Phượng, giao hai

cháu Đặng T.T1, sinh ngày 29/3/2008 và Đặng T.T2, sinh ngày 18/01/2010 cho chị T.P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo quyền lợi của con chung; Anh H.T được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Đối với ý kiến của anh Đặng Lê H.T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung sau khi chấp hành xong hình phạt tù. Hội đồng xét xử xét thấy, nếu sau này, anh H.T có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn thì anh H.T có quyền làm đơn yêu cầu để yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định.

[5]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Do chị T.P không có yêu cầu anh Đặng Lê H.T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị T.P và anh Đặng Lê H.T xác định không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7]. *Về án phí*: Chị T.P phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8]. *Về quyền kháng cáo*: Chị T.P và anh Đặng Lê H.T có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[9]. Xét ý kiến đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 228, 266, 267, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T.P. Cho ly hôn giữa chị T.P và anh Đặng Lê H.T.

2. Về con chung: Giao hai con chung giữa chị T.P và anh Đặng Lê H.T là hai cháu Đặng T.T1, sinh ngày 29/3/2008 và Đặng T.T2, sinh ngày 18/01/2010 cho chị T.P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh Đặng Lê H.T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Đặng Lê H.T chưa phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho hai cháu Đặng T.T1 và Đặng T.T2 do chị T.P không có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị T.P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T.P đã nộp theo biên lai thu số 0002955 ngày 01/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang, xem như chị T.P đã thi hành xong nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị T.P và anh Đặng Lê H.T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước;
- UBND xã T, H. C, TG;
- Các đương sự:
 - + T.P;
 - + Đặng Lê H.T.
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Thạch Hải Âu